

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Hứa Thái Q** - Sinh năm 1982. Địa chỉ: **Số A đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.**

- Bà **Nguyễn Thị Tuyết H** - Sinh năm 1987. Địa chỉ: **Số A đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng..**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** kết hôn với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng** (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2012, quyển số 01/2011, ngày 10/8/2012). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông **Q** và bà **H** về chung sống tại địa chỉ: **Số A đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.** Trong quá trình chung sống đến năm 2023 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông **Q** và bà **H** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau:

Bà **Nguyễn Thị Tuyết H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Hứa Ngọc M**, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông **Hứa Thái Q** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **Q** và bà **H** tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** xác nhận có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận: Bà **Nguyễn Thị Tuyết H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Hứa Ngọc M**, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông **Hứa Thái Q** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** xác nhận vợ chồng không có.

- Về nợ chung: Ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** xác nhận vợ chồng không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** đã nộp là

300.000đ theo biên lai thu số 0001630 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông **Hứa Thái Q** và bà **Nguyễn Thị Tuyết H** nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2012, quyền số 01/2011, ngày 10/8/2012);
- Lưu hồ sơ vụ

**THẨM PHÁN**

\

**Đỗ Thị Thu Trang**